



Trung Quốc: Cơ hội và thách thức của hợp tác đầu tư Việt Nam

Thạc sĩ LÊ THỊ THÚY PHƯỢNG

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế quan hệ kinh tế Việt – Trung cũng phải chịu sự tác động nhiều mặt, do vậy hai bên phải có sự điều chỉnh, tăng tốc kịp thời, tận dụng thời cơ, tranh thủ phát huy yếu tố có lợi, giảm thiểu các yếu tố bất lợi, gắn kết hơn nữa với nhau theo thể thức “hợp tác song phương” nhằm đáp ứng với trào lưu toàn cầu hóa và khu vực hóa.

Đông Á là khu vực duy nhất chưa có một hiệp định thương mại khu vực giống như Liên minh châu Âu (EU) hay Khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA). Tuy được coi là một trong ba trụ cột kinh tế thế giới, nhưng Đông Á lại có mức độ hợp tác kinh tế thấp nhất so với EU và Bắc Mỹ. Điều đó đã khiến các nước Đông Á bắt đầu nhận ra nhu cầu tăng cường hợp tác kinh tế khu vực và mô hình các ý tưởng liên kết cũng như những hình thức đa dạng của hợp tác khu vực Đông Á lại nảy nở mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Thực chất là vừa do tiến trình toàn cầu hóa và liên kết khu

vực trên toàn thế giới thúc đẩy, vừa bắt nguồn và báo hiệu sự trỗi dậy của kinh tế Đông Á từ sau cuộc khủng hoảng 1997-1998. Các cuộc chạy đua giành vị trí lãnh đạo khu vực cũng như việc thiếu một nước thủ lĩnh đã cản trở sự phát triển của chủ nghĩa khu vực Đông Á. Tuy nhiên, đây là cơ hội tốt cho Trung Quốc (TQ).

Vị thế của TQ

Trong khi Singapore chuyển mạnh sang hướng tiếp cận Khu vực thương mại tự do (FTA) song phương với phương châm FTA song phương bổ sung hữu hiệu cho tự do hóa thương mại

đa phương; Nhật và Hàn Quốc xây dựng chiến lược FTA song phương nhằm thúc đẩy cải cách trong nước và duy trì vị thế cạnh tranh trên thị trường thế giới và khu vực, đồng thời thích ứng với sự trỗi dậy mạnh mẽ của TQ; thì TQ lại chuyển mạnh sang FTA song phương với những động cơ địa-chính trị và địa-kinh tế rõ ràng chứ không chỉ những động cơ thương mại thuần túy. Từ việc tận dụng ngay những ngoại lệ của Hiệp định chung về thương mại và thuế quan (GATT) có được từ tư cách thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) để hình thành Hiệp định khung về thương mại với Hồng Kông (CEPA),

đến ký kết FTA song phương với khối ASEAN (CACEC) rồi tiến tới FTA với từng thành viên ASEAN, mà trước hết là với Thái Lan [1]. TQ cũng đang trong quá trình đàm phán FTA song phương với Malaixia và Philippin, đồng thời tham gia nghiên cứu FTA song phương với Ma Cao, với khối Hiệp định hợp tác kinh tế chặt chẽ hơn giữa Úc và Newzealand (CER), và FTA ba bên với Nhật và Hàn Quốc. Các FTA với khối ASEAN cũng như với từng thành viên ASEAN khiến TQ và ASEAN gắn kết với nhau hơn, tạo ra một không gian kinh tế có lợi cho TQ, thay vì để ASEAN rơi sâu vào quỹ đạo của Nhật và Mỹ. Thông qua FTA song phương, TQ cũng thể hiện được phần nào vai trò khu vực của mình trong tiến trình mở rộng liên kết kinh tế tại Đông Á.

Nhân tố tác động đến vị thế của TQ

TQ là một nước phát triển lớn trên thế giới với diện tích đất liền rộng khoảng 9,6 triệu km², chiếm 7% diện tích đất trên thế giới; chiều dài bờ biển 1,8 triệu km², là nhân tố có ý nghĩa hết sức chiến lược và thuận lợi trong công cuộc xây dựng kinh tế, mở rộng giao lưu quốc tế.

TQ có số dân đông nhất thế giới: trên 1,2 tỷ người – một lợi thế trội hơn nhiều quốc gia và khu vực khác về nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, TQ cũng là vùng đất tương đối giàu có về tài nguyên thiên nhiên, tạo thêm tiềm năng vật chất cho công cuộc xây dựng kinh tế. Với nền văn hóa rực rỡ có lịch sử hình thành và phát triển tới vài nghìn năm, TQ còn là điểm du lịch đầy sức hấp dẫn của thế giới, tạo nguồn thu lớn, khá ổn định cho các ngành du lịch và dịch vụ.

Những tiềm năng và lợi thế nói trên là nhân tố thuận lợi giúp TQ giành được nhiều thành tựu rực rỡ trên con đường xây dựng nền kinh tế phồn vinh và hiện đại. Và đương nhiên, sự lớn mạnh về kinh tế sẽ góp phần quan trọng nâng cao hơn vai trò và vị thế của TQ trong các mối quan hệ quốc tế và khu vực.

Sức mạnh kinh tế của TQ

TQ đã và đang trỗi dậy, ngày càng phát triển và lớn mạnh. Thật vậy, theo nhận định của một nhà bình luận nổi tiếng người Anh đã phát biểu ý kiến của mình trên báo *Độc lập* có ghi:

Thứ nhất, lịch sử kinh tế đã chứng minh một thực tế rằng Trung tâm kinh tế thế giới thay đổi trung bình 50 năm một lần. Năm 1900, Luân Đôn là “thủ đô” kinh tế thế giới, vị trí đó nhường cho New York vào năm 1950, cho Tokyo vào năm 2000. Đến năm 2050, Hồng Kông hoặc một thành phố nào đó của TQ sẽ giữ vị trí này.

Thứ hai, trong vòng 20 năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển ở châu Á đạt 6-8%; Mỹ và các nước châu Âu đạt 3%; TQ đạt trình độ tăng trưởng bằng Đài Loan, trong tương lai GDP sẽ đạt khoảng 1000 tỷ USD, vượt GDP của Mỹ và EU. Tính theo tốc độ tăng trưởng kinh tế thì đến giữa thế kỷ sau, TQ sẽ trở thành nước giàu có.

Và, nền kinh tế Mỹ và EU đã ngã sang chiều, nền kinh tế nước Anh đang ở thời kỳ “xế bóng”, trong khi đó thì nền kinh tế TQ và các nước đang phát triển ở châu Á sẽ có bước tiến nhanh hơn trong thế kỷ XXI.

Với việc nhanh chóng mở rộng phạm vi giao lưu với các quốc gia và lãnh thổ trên thế giới cùng kết quả trở thành thành viên chính thức của WTO vào đầu thế kỷ XXI, TQ đã khẳng định rõ hơn vị thế của mình trên trường quốc tế và khu vực.

Nói đến tiềm năng và sức mạnh kinh tế của TQ không thể không nhắc tới Hồng Kông – “con gà vàng đẻ trứng”: theo nhận định của Đặng Tiểu Bình. Năm 1997, TQ thu hồi Hồng Kông từ tay người Anh khi khu vực này đang được xếp hạng trong các nền kinh tế công nghiệp mới với danh hiệu “con rồng châu Á”. Với vai trò là Trung tâm thương mại thế giới, Hồng Kông đem lại rất nhiều lợi thế cho TQ trong hoạt động xuất nhập khẩu, giúp TQ mở rộng không gian giao lưu buôn bán với nước ngoài. Những năm gần đây, buôn bán

hai chiều giữa TQ - Hồng Kông, giữa TQ với các nước và khu vực khác thông qua Hồng Kông đã tăng lên nhanh chóng. Đặc biệt Hồng Kông đã phát huy tác dụng rất tích cực và hiệu quả trong vai trò cầu nối trung gian cho các hoạt động đầu tư của Đài Loan tại Lục địa. Do vậy, có thể nói thế giới và khu vực không thể xem thường các mối liên kết kinh tế thương mại giữa TQ đại lục, Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan trong thế kỷ mới. Mối liên kết kinh tế này đương nhiên đem lại lợi ích cho mỗi bên, song là một thị trường khổng lồ với sức tiêu thụ hàng tỷ dân, TQ sẽ có lợi thế hơn nhiều so với ba khu vực còn lại. Đồng thời mối liên kết “hai bờ bốn bên” này càng khẳng định, càng thành công không chỉ tạo thuận lợi về vật chất cho TQ trong công cuộc xây dựng kinh tế mà còn góp phần khuếch trương và nâng cao vị thế của TQ.

Ngoài ý nghĩa về kinh tế, sau khi thu hồi Hồng Kông (tháng 7.1997) và Ma Cao (tháng 12.2000), TQ còn khẳng định trước thế giới vấn đề chủ quyền quốc gia với hai khu vực đã nằm trong tay người Anh và người Bồ Đào Nha trong thời gian hàng thế kỷ.

Quan hệ hợp tác VN – TQ

VN có vị trí quan trọng ở Đông Nam Á, có môi trường chính trị, xã hội ổn định và tốc độ phát triển kinh tế nhanh cũng là một thị trường quan trọng trước mắt và lâu dài đối với TQ. Hơn nữa, VN còn là cửa ngõ của TQ khi thâm nhập thị trường Đông Nam Á. Do vậy, quan hệ VN – TQ phát triển tốt đẹp không những đáp ứng lợi ích cơ bản và lâu dài của nhân dân hai nước, mà còn phù hợp với xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển của khu vực và thế giới.

Hợp tác kinh tế thương mại Việt - Trung trong bối cảnh hai nước có rất nhiều thuận lợi cơ bản để đẩy mạnh hợp tác vì núi liền núi sông liền sông, có quan hệ giao lưu lâu đời, quan hệ hữu nghị truyền thống và chính trị tốt đẹp giữa hai nước theo phương châm 16 chữ: “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương

lại” ngày càng được thể hiện sinh động trong thực tiễn. Thật vậy, hợp tác kinh tế thương mại VN – TQ trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu to lớn. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa VN – TQ đã tăng từ 2,5 tỷ USD năm 2001 lên 4,6 tỷ USD năm 2003, tiến dần đến con số 6 tỷ USD năm 2005 và bằng sự nỗ lực của hai bên có thể thực hiện sớm hơn mục tiêu đưa kim ngạch thương mại song phương năm 2010 lên 10 tỷ USD. TQ cũng đã dành cho VN các khoản viện trợ không hoàn lại trị giá hơn 200 triệu Nhân dân tệ và các khoản vay ưu đãi trị giá trên 300 triệu Nhân dân tệ để giúp VN cải thiện một số công trình cơ sở hạ tầng như thông tin tín hiệu, đường sắt, v.v....

Trong những năm gần đây, TQ bắt đầu quan tâm hơn đến chính sách đầu tư ra nước ngoài. Tuy nhiên, chính sách về đầu tư ra nước ngoài của TQ vẫn đang trong quá trình hình thành nên chưa có văn bản pháp luật quy định rõ về vấn đề này.

Song, về đầu tư ra nước ngoài tính đến nay TQ (tính cả Hồng Kông) có hơn 641 dự án đầu tư vào VN với tổng vốn đăng ký trên 3,85 tỷ USD, đứng thứ 5 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào VN. Đầu tư của TQ tập trung phần lớn vào lĩnh vực công nghiệp, chiếm tới gần 70% số dự án và 55,5% vốn đầu tư đăng ký; tiếp theo là lĩnh vực dịch vụ chiếm 29,5% vốn đầu tư đăng ký, còn lại là lĩnh vực nông – lâm nghiệp chiếm 15% vốn đầu tư đăng ký. Các nhà đầu tư TQ có mặt trên 40 tỉnh, thành phố và tập trung phần lớn vào các địa phương có cơ sở hạ tầng tương đối tốt và nơi có cộng đồng người Hoa sinh sống như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh, riêng 4 địa phương này đã chiếm khoảng 47,4% tổng vốn đầu tư đăng ký của TQ vào VN.

Đầu tư của TQ đã góp phần thúc đẩy khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại VN không ngừng phát triển và trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế VN. Tuy nhiên, có thể thấy đầu tư của TQ vào

VN chưa lớn và phần lớn các dự án có quy mô nhỏ và vừa (bình quân khoảng 2 triệu USD/dự án), chưa tương xứng với tiềm năng của TQ cũng như nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của VN.

Đối với VN, chủ trương thu hút đầu tư nước ngoài nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua việc chuyển giao công nghệ tiên tiến, tăng cường năng lực sản xuất, xuất khẩu và giải quyết công ăn việc làm là nhất quán và mang tính lâu dài. Chính phủ VN đã và đang tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư tạo điều kiện thuận lợi nhất để các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động hiệu quả tại VN.

Có thể nói rằng, thành tựu về hợp tác kinh tế Việt – Trung những năm qua là cơ sở để khẳng định tiềm năng tiềm tàng của cả hai bên, cần thiết phải có “chất xúc tác” để được phát huy mạnh mẽ hơn nữa. Tuy nhiên, những năm tới với sự xuất hiện của một số nhân tố mới về tình hình quốc tế và khu vực, quan hệ hợp tác kinh tế Việt – Trung sẽ phải chịu nhiều tác động mới cả về cơ hội lẫn thách thức, chẳng hạn:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế quan hệ kinh tế Việt – Trung cũng phải chịu sự tác động nhiều mặt, do vậy hai bên phải có sự điều chỉnh, tăng tốc kịp thời, tận dụng thời cơ, tranh thủ phát huy yếu tố có lợi, giảm thiểu các yếu tố bất lợi, gắn kết hơn nữa với nhau theo thể thức “hợp tác song phương” nhằm đáp ứng với trào lưu toàn cầu hóa và khu vực hóa.

Tiếp theo, phải đặc biệt xem xét tới các vấn đề từ phía TQ có tác động gia tăng những yếu tố có lợi và bất lợi cho phía VN ta. Từ việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) cuối năm 2001, đến chiến lược “Đại khai phá miền Tây” với nhiều chủ trương, chính sách ưu đãi, tập trung nguồn vốn lớn để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế thương mại cho vùng Tây Nam rộng lớn, và việc TQ ký Hiệp định thành lập Khu mậu dịch tự do ASEAN - TQ, ... sẽ tạo cho quan hệ thương mại Việt – Trung ngày càng tăng tiến, tạo điều kiện cho VN khai thác tối đa ưu

thế về vị trí cầu nối của mình, nâng cao vị thế và vai trò của VN trong khu vực và quốc tế.

Cùng với việc hình thành khu mậu dịch tự do ASEAN - TQ và việc tiến hành tổ chức triển lãm thương mại TQ – ASEAN hàng năm tại Nam Ninh – TQ..., tính khả thi của việc xây dựng hai hành lang kinh tế: hành lang Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng; hành lang Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng; cùng với vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ do Chính phủ hai nước thống nhất cùng xây dựng, sẽ tạo cho quan hệ hợp tác kinh tế Việt - Trung ngày càng liên kết chặt chẽ, đặc biệt vai trò của các khu vực kinh tế cửa khẩu vùng biên giới Việt – Trung ngày càng chiếm vị trí hết sức quan trọng.

Tóm lại, khả năng hợp tác kinh tế VN – TQ trong những năm tới đầy hứa hẹn, trong đó có cả cơ hội và thách thức. Chuyển hóa thách thức thành cơ hội sẽ làm cho cán cân thương mại hai nước phát triển cân bằng, tăng trưởng nhanh hơn, đòi hỏi các ngành hữu quan hai nước cần thiết phải có sự phối hợp nghiên cứu, nắm bắt kỹ lưỡng và thông tin nhanh nhạy về thị trường, kịp thời đề ra các quyết sách, nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác đầu tư thương mại của VN và TQ ngày càng chặt chẽ, ổn định, tạo cơ hội phát triển mới đem lại triển vọng sáng sủa và to lớn trong những năm tới

Chú thích

- [1] TQ và Thái Lan đã thảo luận được một FTA song phương tập trung cho lĩnh vực nông nghiệp với 160 mặt hàng nông phẩm, hoa quả được cam kết.
- [2] Xem Cốc Nguyên Dương (chủ biên) : Sự phát triển xuyên thế kỷ của các nước đang phát triển, NXB Khoa học xã hội TQ, 1997, tr. 142.
- [3] Tại cuộc gặp gỡ cấp cao tháng 2-1999, lãnh đạo hai nước VN và TQ đã thỏa thuận xây dựng quan hệ Việt – Trung theo phương châm 16 chữ.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Tiến Sâm, Lê Văn Sang (chủ biên), TQ gia nhập WTO và tác động đối với Đông Nam Á, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2002.
2. Bản tin Đại sứ quán TQ tại VN 10.11.2004.
3. Kỷ yếu Hội thảo “TQ - 25 năm cải cách mở cửa : Những vấn đề lý luận thực tiễn”, Viện nghiên cứu TQ, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2004.
4. Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam – Trung Quốc: Tăng cường hợp tác, cùng nhau phát triển hướng tới tương lai, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2005.
5. Tạp chí Nghiên cứu những vấn đề kinh tế thế giới số tháng 1, 3 năm 2006.